TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2017/HNGĐ - ST Ngày 14 -12 - 2017 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Khắc
2. Ông Quách Hà Vính

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 14/12/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 191/2017/TLST- HNGĐ ngày 07/11/2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị H; sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn Trường Thành, xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L; sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn Trường Thành, xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt chị H, anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2017, trong bản tự khai ngày 07/11/2017 cũng như tại phiên tòa, chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/01/2013 tại UBND xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến tháng 7 năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L có biểu hiện quan hệ ngoại tình với người phụ

nữ khác nên không quan tâm gì đến vợ con. Từ đó khiến cho cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 7 năm 2016 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Xuân Ch, sinh ngày 18/10/2013, hiện nay cháu Ch đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 700.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/11/2017, cũng như tại phiên tòa, anh L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/01/2013 tại UBND xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do công việc của anh thường xuyên phải đi làm ăn xa nhưng chị H không thông cảm và thường xuyên trách móc, ghen tuông vô cớ, từ đó khiến cho vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 7 năm 2016 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Xuân Ch, sinh ngày 18/10/2013. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh L đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây được viết là BLTTDS).

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Trương Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2013 tại UBND xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm điều cấm của luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên

xảy ra bất đồng. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 7 năm 2016 đến nay và vợ chồng cũng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Việc này cả chị H và anh L đều thừa nhận và cũng đã được các cấp chính quyền xã Thành Hưng xác nhận. Nay cả chị H và anh L đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn anh L.

[3] Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Xuân Ch, sinh ngày 18/10/2013. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 700.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi, tuy nhiên anh L không đồng ý. Anh L cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét thấy, hiện tại cháu Ch đang còn nhỏ rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, và từ khi vợ chồng chị H và anh L sống ly thân thì cháu Ch luôn ở với mẹ. Vì vậy, nên để cháu Ch ở với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển của cháu. Anh L là bố, đang trong độ tuổi lao động và có thu nhập nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Ch cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 700.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Chị H và anh L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị H, anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con cái: Giao con chung là cháu Nguyễn Xuân Ch, sinh ngày 18/10/2013, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hảo mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi. Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Trương Thị H chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2015/0002142 ngày 07/11/2017. Chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H và anh L. Chị H, anh L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Anh Đức